

Số: 3264 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao số lượng cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu cử, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức các thành viên UBND.

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1031/TTr-SNV ngày 27 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

1. Về số lượng

- a) Xã, phường, thị trấn loại 1 bố trí tối đa 23 người (11 cán bộ, 12 công chức);
- b) Xã, phường, thị trấn loại 2 bố trí tối đa 21 người (10 cán bộ, 11 công chức);
- c) Xã, phường, thị trấn loại 3 bố trí tối đa 19 người (10 cán bộ, 09 công chức);

(Cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

2. Các quy định khác

a) Bí thư Đảng ủy cấp xã hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

b) Phó Bí thư đảng ủy cấp xã đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cấp xã; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã đồng thời là Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cấp xã.

c) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

d) Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ quy định tại khoản 1 Điều này giảm đi thêm 01 người; đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an xã là công an chính quy thì số lượng công chức quy định tại khoản 1 Điều này giảm đi thêm 01 người.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định này và thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

b) Lập phương án bố trí, sắp xếp giải quyết đối với những công chức cấp xã đã bố trí theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh nay thực hiện theo Quyết định này không đảm bảo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn.

c) Hoàn thành việc bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo Quyết định này chậm nhất ngày 31/12/2020.

2. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã;

b) Thẩm định, cho ý kiến về phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn lập dự toán ngân sách hàng năm, bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

4. Bảo hiểm Xã hội tỉnh: Hướng dẫn, kiểm tra bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo đảm kinh phí chi trả chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng, chức danh cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC (D50b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



PHỤ LỤC

Số lượng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3264 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Chức vụ, chức danh	Số lượng cán bộ công chức theo phân loại xã, phường, thị trấn			Ghi chú
		Loại 1	Loại 2	Loại 3	
I	CÁN BỘ	11	10	10	
1	Bí thư Đảng ủy	1	1	1	
2	Phó bí thư Đảng ủy	1	1	1	
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1	1	1	
4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1	1	1	
5	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	2	1	1	
6	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	1	1	
7	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1	1	
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1	
9	Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1	Không có hoạt động về lĩnh vực nông nghiệp thì không bố trí chức danh này
10	Chủ tịch Hội cựu chiến binh	1	1	1	
II	CÔNG CHỨC	12	11	9	
1	Trưởng Công an	1	1	1	Có công an chính quy thì không bố trí chức danh này
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1	
3	Tài chính - Kế toán	1	1	1	
4	Văn phòng - Thống kê	3	3	2	
5	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường đối với xã (Địa chính - xây dựng - đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn)	2	2	2	
6	Tư pháp - Hộ tịch	2	1	1	
7	Văn hóa - Xã hội	2	2	1	
Tổng cộng (I+II)		23	21	19	

